

DANH MỤC DỰ ÁN QUY HOẠCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VÀ KẾ HOẠCH KINH PHÍ THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2547 /QĐ-UBND ngày 02 /12 /2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)

STT	Tên quy hoạch	Căn cứ pháp lý lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch dự kiến (khoảng ha)	Địa điểm, phạm vi lập quy hoạch	Thời gian lập quy hoạch dự kiến	Chi phí lập quy hoạch dự kiến (khoảng triệu đồng)	Kế hoạch kinh phí thực hiện		Ghi chú
							Nguồn vốn	Giai đoạn	
I									
Viện Quy hoạch xây dựng làm chủ đầu tư									
1	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực phía Nam Cổ Thạch - Bình Thạnh	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2919/UBND-KGVXNV ngày 08/8/2021	125	Xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong	Từ năm 2022	1,900	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	Kinh phí đã được phân khai: 500 triệu đồng (theo Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh)
2	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu Khu vực Bắc kênh thoát lũ, huyện Hàm Thuận Bắc	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 562/UBND-ĐTQH ngày 17/02/2021	1.222,4	Huyện Hàm Thuận Bắc	Từ năm 2022	5,600	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	Kinh phí đã được phân khai: 2.000 triệu đồng (theo Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh)
3	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch Hàm Thuận - Đa Mít	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 4968/UBND-KGVXNV ngày 29/12/2021	495	Huyện Hàm Thuận Bắc	Từ năm 2022	4,125	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	Kinh phí đã được phân khai: 520 triệu đồng (theo Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND tỉnh)
II									
Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh làm chủ đầu tư									
1	Quy hoạch chung Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hàm Tân - La Gi	Thường vụ Tỉnh ủy khóa XIV cho chủ trương đầu tư tại Kết luận số 01-KL/TU ngày 30/10/2020; UBND tỉnh chỉ đạo tại Công văn số 296/UBND-KT ngày 22/01/2021	6.727,5	Xã Tân Phước, thị xã La Gi và các xã Tân Thắng, Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân	Từ năm 2023	5,450	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	Khuyến khích tài trợ kinh phí
III									
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh làm chủ đầu tư									
Quy hoạch chung xây dựng									
1	Quy hoạch chung xây dựng các khu vực ven biển Tân Thắng - Thắng Hải, huyện Hàm Tân	UBND tỉnh thống nhất chủ trương rà soát, điều chỉnh quy hoạch tại Công văn số 3132/UBND-ĐTQH ngày 20/8/2021	2.421,5	Xã Tân Thắng và xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân	Từ năm 2022	6,665	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
2	Quy hoạch chung xây dựng các khu vực ven biển Cổ Thạch - Bình Thạnh, huyện Tuy Phong	UBND tỉnh thống nhất chủ trương rà soát, điều chỉnh quy hoạch tại Công văn số 3132/UBND-ĐTQH ngày 20/8/2021	1,062	Xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong	Từ năm 2022	4,382	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh

3	Quy hoạch chung xây dựng Khu vực ven biển Tân Thuận - Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam	UBND tỉnh thống nhất chủ trương rà soát, điều chỉnh quy hoạch tại Công văn số 3132/UBND-ĐTQH ngày 20/8/2021	1.564,86	Xã Tân Thuận và xã Tân Thành, huyện Hàm Nam	Từ năm 2022	5,231	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
Quy hoạch phân khu xây dựng									
1	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Tân Thắng - Thắng Hải (khu vực 1)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	428,91	Xã Tân Thắng và xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân	Từ năm 2023	3,831	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
2	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Tân Thắng - Thắng Hải (khu vực 2)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	489,82	Xã Tân Thắng và xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân	Từ năm 2023	4,042	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
3	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Tân Thắng - Thắng Hải (khu vực 3)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	489,97	Xã Tân Thắng và xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân	Từ năm 2023	4,042	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
4	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Tân Thắng - Thắng Hải (khu vực 4)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	489,22	Xã Tân Thắng và xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân	Từ năm 2023	4,039	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
5	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Tân Thắng - Thắng Hải (khu vực 5)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	352,57	Xã Tân Thắng và xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân	Từ năm 2023	3,566	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
6	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	284,47	Xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam	Từ năm 2023	3,328	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
7	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam (khu vực 1)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	350	Xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam	Từ năm 2023	3,557	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
8	QHPK xây dựng khu vực ven biển Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam (khu vực 2)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	455	Xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam	Từ năm 2023	3,922	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
9	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam (khu vực 3)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	466	Xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam	Từ năm 2023	3,960	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
10	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam (khu vực 1)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	470,46	Xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam	Từ năm 2023	3,980	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Khuyến khích tài trợ kinh phí

11	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam (khu vực 2)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	483,9	Xã Thuận Quý, huyện Hàm Thuận Nam	Từ năm 2023	4,030	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Khuyến khích tài trợ kinh phí
12	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển từ Suối Nước đến Hòa Thắng	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	397.619	Phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết và xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	3,722	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né, việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
13	Quy hoạch phân khu xây dựng xây dựng khu vực ven biển Hòa Thắng (khu vực 1)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	443,06	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	3,880	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né, việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
14	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Hòa Thắng (khu vực 2)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	442,17	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	3,877	Kinh phí đã được tài trợ	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né, việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
15	QHPK xây dựng khu vực ven biển Hòa Thắng (khu vực 3)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	357,4	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	3,582	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né, việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
16	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Hòa Thắng (khu vực 4)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	490,3	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	4,043	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né, việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh

17	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Hòa Thắng (khu vực 5)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	485,7	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	4,028	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né, việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
18	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Hòa Thắng (khu vực 6)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	446,6	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	3,892	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né, việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
19	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Hòa Thắng (khu vực 7)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	492,1	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	4,050	Vốn đầu tư công	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né, việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Kinh phí theo Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh
20	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Hòa Thắng - Hòa Phú (khu vực 1)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	273,74	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	3,300	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né; việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Khuyến khích tài trợ kinh phí
21	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực ven biển Hòa Thắng - Hòa Phú (khu vực 2)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	270,78	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	3,290	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né; việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Khuyến khích tài trợ kinh phí
22	Quy hoạch phân khu đô thị Nam sông Phan Rí Cửa	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	808,68	Thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong	Từ năm 2023	5,350	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né; việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Khuyến khích tài trợ kinh phí

23	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch Bàu Trắng (khu vực 1)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	356,74	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	3,580	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né; việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Khuyến khích tài trợ kinh phí
24	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch Bàu Trắng (khu vực 2)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	439,04	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	3,870	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né; việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Khuyến khích tài trợ kinh phí
25	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch Bàu Trắng (khu vực 3)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	339,62	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	3,520	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né; việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Khuyến khích tài trợ kinh phí
26	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực còn lại thuộc Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia Mũi Né		1,802	Xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	2.000	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Né; việc lập quy hoạch sẽ được thực hiện sau khi Quy hoạch chung Khu du lịch Quốc gia Mũi Né được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. * Kinh phí dự kiến được tính với quy mô lập quy hoạch từ 300 - 400ha, chưa bao gồm chi phí khảo sát; khuyến khích tài trợ kinh phí
27	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch Cổ Thạch - Bình Thạnh (khu vực 1)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	360,8	Xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong	Từ năm 2023	3,560	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Khuyến khích tài trợ kinh phí
28	Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch Cổ Thạch - Bình Thạnh (khu vực 2)	UBND tỉnh thống nhất chủ trương tại Công văn số 2739/UBND-ĐTQH ngày 26/7/2021	376,11	Xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong	Từ năm 2023	3,650	Vốn sự nghiệp kinh tế	2021 - 2025	* Khuyến khích tài trợ kinh phí
IV	UBND cấp huyện làm chủ đầu tư								
Quy hoạch xây dựng vùng huyện									
1	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phong		18,540	Huyện Tuy Phong	Từ năm 2023	1,500	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Kinh phí chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=0,8 (tạm tính với mật độ dân số >200 - <500 người/km ²); * Khuyến khích tài trợ kinh phí

2	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bắc Bình		186,880	Huyện Bắc Bình	Từ năm 2022	2,900	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Kinh phí chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=0,8 (tạm tính với mật độ dân số >200 - <500 người/km ²); * Khuyến khích tài trợ kinh phí
3	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hàm Thuận Bắc		134,450	Huyện Hàm Thuận Bắc	Từ năm 2022	2,800	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Kinh phí chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=0,8 (tạm tính với mật độ dân số >200 - <500 người/km ²); * Khuyến khích tài trợ kinh phí
4	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hàm Thuận Nam		105,840	Huyện Hàm Thuận Nam	Từ năm 2023	2,750	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Kinh phí chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=0,8 (tạm tính với mật độ dân số >200 - <500 người/km ²); * Khuyến khích tài trợ kinh phí
5	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hàm Tân		73,900	Huyện Hàm Tân	Từ năm 2023	2,450	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Kinh phí chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=0,8 (tạm tính với mật độ dân số >200 - <500 người/km ²); * Khuyến khích tài trợ kinh phí
6	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tánh Linh		119,860	Huyện Tánh Linh	Từ năm 2023	2,800	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Kinh phí chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=0,8 (tạm tính với mật độ dân số >200 - <500 người/km ²); * Khuyến khích tài trợ kinh phí
7	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Quý		1,790	Huyện Phú Quý	Từ năm 2023	950	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,2 (tạm tính với mật độ dân số >1500 người/km ²) * Khuyến khích tài trợ kinh phí
Quy hoạch chung đô thị									
1	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã La Gi	UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 1157/UBND-ĐTQH ngày 27/3/2020	1,668	Thị xã La Gi	Từ năm 2023	2,100	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,12 (tạm tính đối với định hướng đô thị loại II) * Khuyến khích tài trợ kinh phí

2	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Chợ Lầu	UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 1157/UBND-ĐTQH ngày 27/3/2020	3,361	Thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	2,500	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,05 (tạm tính đối với định hướng đô thị loại IV) * Khuyến khích tài trợ kinh phí
3	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Võ Xu	UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 1157/UBND-ĐTQH ngày 27/3/2020	2,827	Thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh	Từ năm 2023	2,350	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,05 (tạm tính đối với định hướng đô thị loại IV) * Khuyến khích tài trợ kinh phí
4	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Phan Rí Cửa	UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 2305/UBND-ĐTQH ngày 22/6/2020	1,494	Thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong	Từ năm 2023	1,910	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,05 (tạm tính đối với định hướng đô thị loại IV) * Khuyến khích tài trợ kinh phí
5	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Lương Sơn	UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 1890/UBND-ĐTQH ngày 21/5/2020	2,987	Thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình	Từ năm 2023	2,300	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,0 (tạm tính đối với định hướng đô thị loại V) * Khuyến khích tài trợ kinh phí
6	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Lạc Tánh	UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 562/UBND-ĐTQH ngày 17/02/2021	3,859	Thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh	Từ năm 2023	2,550	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,0 (tạm tính đối với định hướng đô thị loại V) * Khuyến khích tài trợ kinh phí
7	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Thuận Nam	UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 562/UBND-ĐTQH ngày 17/02/2021	2,825	Thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam	Từ năm 2023	2,250	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,0 (tạm tính đối với định hướng đô thị loại V) * Khuyến khích tài trợ kinh phí
8	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Đức Tài	UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 4729/UBND-ĐTQH ngày 02/12/2020	3,150	Thị trấn Đức Tài, huyện Đức Linh	Từ năm 2023	2,310	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,0 (tạm tính đối với định hướng đô thị loại V) * Khuyến khích tài trợ kinh phí
9	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Tân Minh	UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 3132/UBND-ĐTQH ngày 20/8/2021	886	Thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân	Từ năm 2023	1,580	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,0 (tạm tính đối với định hướng đô thị loại V) * Khuyến khích tài trợ kinh phí

10	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Tân Nghĩa	UBND tỉnh đồng ý chủ trương tại Công văn số 3132/UBND-ĐTQH ngày 20/8/2021	5,542	Thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân	Từ năm 2023	2,910	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát; định mức chi phí lập đồ án điều chỉnh với hệ số K=1,0 (tạm tính đối với định hướng đô thị loại V) * Khuyến khích tài trợ kinh phí
Quy hoạch phân khu xây dựng									
1	Quy hoạch phân khu Khu dịch vụ - du lịch Sơn Mỹ		305,67	Xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân	Từ năm 2023	1,910	Ngân sách huyện	2021 - 2025	* Chưa bao gồm chi phí khảo sát * Khuyến khích tài trợ kinh phí

* Tên quy hoạch, diện tích và chi phí lập quy hoạch sẽ được xác định cụ thể khi triển khai lập quy hoạch.

1.899.389.000

4.121.318.000

